

Số: 139/KH-THBM

Bình Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 - 2027

A. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05/8/2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn;

Căn cứ Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 của UBND xã Bình Minh về việc tổ chức lại Trường Tiểu học Bình Minh và tình hình thực tế của nhà trường,

Căn cứ Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT ngày 10/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về tổ chức và triển khai công tác chuyên môn sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Công văn số 5922/BGDDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian trong cơ sở giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 4773/KH-SGDĐT ngày 09/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về triển khai nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông;

Thực hiện Kế hoạch số 472/KH-UBND ngày 17/9/2026 của UBND xã Bình Minh về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 đối với giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Bình Minh;

Trường Tiểu học Bình Minh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 với các nội dung như sau:

B. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Tình hình địa phương, quy mô nhà trường

Trường Tiểu học Bình Minh trực thuộc UBND xã Bình Minh, thành phố Hà Nội. Năm học 2026 - 2027 là năm học đầu tiên nhà trường hoạt động theo mô hình trường tiểu học đa cơ sở sau sắp xếp, gồm 03 cơ sở: **Trường chính** (cơ sở Trường Tiểu học Bình Minh A cũ, tại địa chỉ: thôn Bình Đà 2, xã Bình Minh, Hà Nội), **Phân hiệu 1** (cơ sở Trường Tiểu học Thanh Cao cũ, tại địa chỉ thôn Thượng Thanh, xã Bình Minh, Hà Nội) và **Phân hiệu 2** (cơ sở Trường Tiểu học Bình Minh B cũ, tại địa chỉ Thôn Bình Đà 1, xã Bình Minh, Hà Nội). Trường chính là đầu mối hành chính, quản trị, quản lý con dấu, tài khoản, hồ sơ và dữ liệu; các phân hiệu là đơn vị phụ thuộc, không có bộ máy quản lý riêng. Nhà trường thực hiện nguyên tắc "*Chung toàn trường - riêng theo cấp học - linh hoạt theo địa điểm trường*" và nguyên tắc quản trị "*Một đầu mối chỉ đạo; rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thông tin; tinh gọn nhưng không bỏ sót điểm trường*".

Xã Bình Minh nằm gần các khu đô thị đang phát triển, dân số cơ học tăng nhanh nên số trẻ vào lớp 1 có xu hướng tăng. Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học; nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành, đoàn thể và sự ủng hộ của cha mẹ học sinh.

Người dân chủ yếu làm nông nghiệp, buôn bán nhỏ, kinh doanh dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp; kinh tế địa phương đang trên đà phát triển, đời sống nhân dân từng bước được nâng lên. Quy mô từng cơ sở năm học 2026 - 2027:

Cơ sở	Số lớp	Số học sinh	CBGVNV
Trường chính	23	801	41
Phân hiệu 1	24	847	42
Phân hiệu 2	14	472	27
Tổng	61	2120	110

2. Cơ sở vật chất

Tổng diện tích 03 cơ sở: 28 339 m². Cụ thể

Trường chính	Phân hiệu 1	Phân hiệu 2	Ghi chú
14 680 m ²	9 976 m ²	3 683 m ²	

Các cơ sở có khuôn viên xanh - sạch - đẹp, đủ phòng học cho học sinh học 2 buổi/ngày đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các phòng học được trang bị thiết bị dạy học (máy chiếu/ti vi) và thiết bị dạy học tối thiểu. Điều kiện phòng học bộ môn, phòng chức năng, bếp ăn bán trú giữa các cơ sở chưa đồng đều (chi tiết tại mục X).

3. Đội ngũ

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: **110 người** (biên chế: 89; hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 13; hợp đồng trường: 08). Theo cơ sở: Trường chính 41; Phân hiệu 1: 42; Phân hiệu 2: 27. Trong đó:

- **Cán bộ quản lý: 04** (biên chế), gồm: Hiệu trưởng Nguyễn Thị Mai (Trường chính); Phó Hiệu trưởng Thái Thị Minh Thi (thường trực Trường chính, phụ trách chuyên môn, chuyển đổi số, các cuộc thi, phần mềm); Phó Hiệu trưởng Lê Thị Thuận Quỳnh (thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục); Phó Hiệu trưởng Ngô Viết Thành (thường trực Phân hiệu 2, phụ trách CSVC, pháp chế). Đạt chuẩn: 100%.

- **Giáo viên: 86**, gồm: giáo viên văn hóa 63 (biên chế 55; hợp đồng 111: 04; hợp đồng trường: 04), trong đó 61 giáo viên chủ nhiệm và 02 giáo viên nghỉ thai sản trong học kỳ I; giáo viên bộ môn 23 (biên chế 20; hợp đồng trường 03): Tiếng Anh 08, Âm nhạc 05, Giáo dục thể chất 07, Mĩ thuật 02, Tin học 01. Đạt chuẩn trở lên: 100%.

- **Nhân viên: 20** (biên chế 10; hợp đồng 111: 09; hợp đồng trường: 01), gồm: kế toán 02, văn thư 01, thủ quỹ 01, y tế 03, thiết bị 03 (mỗi cơ sở 01), bảo vệ 03, phục vụ 07.

4. Quy mô học sinh và chất lượng

Tổng số: **61 lớp/2.120 học sinh** (nữ: 959; dân tộc thiểu số: 23; khuyết tật: 10; diện chính sách: 30), bình quân khoảng 35 học sinh/lớp. Khối 1: 13 lớp/415 HS; khối 2: 13 lớp/434 HS; khối 3: 12 lớp/413 HS; khối 4: 13 lớp/453 HS; khối 5: 10 lớp/405 HS. Lớp A học tại Trường chính, lớp B tại Phân hiệu 1, lớp C tại Phân hiệu 2. Chất lượng giáo dục của các trường trước sắp xếp cơ bản ổn định, được cấp trên ghi nhận, cha mẹ học sinh và nhân dân tin tưởng.

II. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Nhà trường nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Minh, sự hướng dẫn chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; hệ thống văn bản chỉ đạo năm học được ban hành sớm, đầy đủ.

Sau sắp xếp, nhà trường có quy mô lớn, thuận lợi trong điều phối, dùng chung đội ngũ giáo viên bộ môn, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giữa các cơ sở; Đảng bộ nhà trường gồm 02 chi bộ trực thuộc (Chi bộ Cơ bản; Chi bộ Chuyên biệt - Hành chính) tạo điều kiện lãnh đạo toàn diện, thống nhất.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, trách nhiệm, đoàn kết; phần lớn giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Nhân dân có truyền thống hiếu học; cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường. Học sinh chăm ngoan, lễ phép, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục.

2. Khó khăn

Là năm đầu vận hành mô hình đa cơ sở nên việc điều hành, hợp nhất hồ sơ, dữ liệu, tài sản, xây dựng văn hóa tổ chức chung còn nhiều việc phải làm; một số giáo viên phải dạy tại nhiều cơ sở, khoảng cách di chuyển khá xa.

Đội ngũ giáo viên bộ môn chưa cân đối: toàn trường chỉ có 01 giáo viên Tin học (tại Phân hiệu 1) cho 35 lớp khối 3, 4, 5; 02 giáo viên Mỹ thuật cho 61 lớp, Trường chính chưa có giáo viên Mỹ thuật; nhiều giáo viên bộ môn phải dạy liên cơ sở. Có 02 giáo viên nghỉ thai sản trong học kỳ I, phải bố trí dạy thay. Còn 21 lao động hợp đồng (13 hợp đồng 111, 08 hợp đồng trường). Thiết bị dạy học, phòng học bộ môn giữa các cơ sở chưa đồng bộ.

Sĩ số nhiều lớp cao: 25/61 lớp có trên 35 học sinh, lớp đông nhất 53 học sinh (5C1), gây khó khăn cho việc đổi mới phương pháp, tổ chức hoạt động và chăm sóc học sinh.

Một bộ phận cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em; một số học sinh còn hạn chế về kỹ năng sống.

III. NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT VÀ TÒN TẠI CẦN KHẮC PHỤC CỦA NĂM HỌC 2025 - 2026

- Tổ chức Đảng năm 2025:

- + Chi bộ trường TH Bình Minh A: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + Chi bộ trường TH Bình Minh B: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + Chi bộ trường TH Thanh Cao: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Danh hiệu thi đua của các trường (năm học 2025 – 2026):

- + Trường TH Bình Minh A: Tập thể Lao động Tiên tiến
- + Trường TH Bình Minh B: Tập thể Lao động Tiên tiến
- + Trường TH Thanh Cao: Cờ thi đua của UBND TP

- Trường học AT, xanh - sạch - đẹp; cơ quan đạt chuẩn văn hóa: 3/3 đạt 100%.

Liên đội:

- + Trường TH Bình Minh A: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- + Trường TH Bình Minh B: Bằng khen của Trung ương Đoàn

+ Trường TH Thanh Cao: Bằng khen của Trung ương Đoàn

b) Thành tích giáo viên

- Giáo viên đạt giải trong các hội thi do cấp trên tổ chức ...;

+ Trường TH Bình Minh A: 3 giải (1 Nhì, 1 Ba, 1 KK)

+ Trường TH Bình Minh B: 3 giải (2 giải Ba; 1 giải KK)

+ Trường TH Thanh Cao: 3 giải (đạt 01 giải Nhất; 01 giải Ba; 01 giải Khuyến khích, 01 giờ dạy đạt giải “Giờ dạy ấn tượng chuyển đổi số”

- Số sáng kiến được công nhận cấp cơ sở.

+ Trường TH Bình Minh A: 5 Đạt

+ Trường TH Bình Minh B: 11 Đạt

+ Trường TH Thanh Cao: 13 Đạt

c) Thành tích học sinh

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: $2163/2171 = 99.6\%$; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: $480/480 = 100\%$. Cụ thể:

*** Tiểu học Thanh Cao:**

+ 294/873 (33,7%) học sinh đạt Danh hiệu: Học sinh Xuất sắc;

+ 222/873 (25,5%) học sinh đạt Danh hiệu: HS Tiêu biểu HTT trong học tập và rèn luyện.

+ Học sinh HTCT lớp học (lớp 1,2,3,4): 870/870 (100%).

+ Học sinh hoàn thành CTTH lớp 5: 188 em, đạt 100%

*** Tiểu học Bình Minh A:**

+ Hoàn thành Xuất sắc: 198 em

+ Học sinh Tiêu biểu: 187 em

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 618/620 đạt 99,7%

+ Tỷ lệ học sinh (11 tuổi) hoàn thành CTTH: 144 đạt tỷ lệ: 100%

*** TH Bình Minh B:**

+ Hoàn thành Xuất sắc: 238 học sinh đạt 35,1 %.

+ Tiêu biểu: 213 học sinh đạt 31,4%

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 99,6%

+ Tỷ lệ học sinh (11 tuổi) hoàn thành CTTH: 148 đạt tỷ lệ: 100%

- Học sinh tham gia các sân chơi, giao lưu do cấp trên tổ chức:

*** TH Bình Minh A**

- Thành phố: 48 giải trong đó: 04 giải Vàng, 07 giải Bạc, 13 giải Đồng, 24 giải KK

- Cấp xã: 182 giải. Trong đó: Nhất (Vàng): 17 giải; Nhì (Bạc): 34 giải; Ba (Đồng): 43 giải; Khuyến khích (KK): 88 giải

*** TH Bình Minh B:**

+ Thành phố: 68 giải (4 vàng, 6 bạc, 24 đồng, 32 KK)

+ Cấp xã: 243 giải (28 Nhất (vàng); 33 Nhì (bạc); 64 Ba (Đồng); 118 KK,

*** TH Thanh Cao:**

+ Thành phố: 31 giải (2 Nhất (Vàng); 3 Nhì (Bạc), 8 đồng, 18 KK)

+ Cấp xã: 89 giải (7 Nhất (vàng); 14 Nhì (bạc); 15 Ba (Đồng); 53 KK,

2. Những tồn tại cần khắc phục

Một số giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ số chưa đạt hiệu quả cao; chất lượng giáo dục giữa các cơ sở còn chênh lệch.

Một số ít học sinh hiếu động, chưa có ý thức tự học, kỹ năng sống còn hạn chế; còn cha mẹ học sinh chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc phối hợp giáo dục.

Hồ sơ, dữ liệu quản lý giữa các trường trước sắp xếp chưa thống nhất về cách thức lưu trữ, cập nhật.

C. KẾ HOẠCH CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 - 2027

Phương châm hành động năm học 2026 - 2027 (theo Kế hoạch số 4773/KH-SGDĐT): "**Đổi mới tư duy - chuyển biến mạnh mẽ - kết quả thực chất**".

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Chủ động, kịp thời tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học; ổn định tổ chức bộ máy, vận hành thống nhất, thông suốt trường chính và các phân hiệu theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT, Hướng dẫn số 4079/HD-SGDĐT; thực hiện nguyên tắc "Chung toàn trường - riêng theo cấp học - linh hoạt theo địa điểm trường"; bảo đảm an toàn trường học; phát huy quyền chủ động của Hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình.

2. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT (và các văn bản sửa đổi, bổ sung); sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc theo chỉ đạo của Bộ GDĐT; bảo đảm đầy đủ yêu cầu cần đạt, không cắt xén nội dung, thời lượng hoặc tổ chức mang tính hình thức; thực hiện hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày.

3. Triển khai giáo dục năng lực số theo Khung năng lực số cho người học (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT), giáo dục trí tuệ nhân tạo phù hợp lứa tuổi; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học phù hợp điều kiện thực tế.

4. Bố trí, sử dụng, điều phối đội ngũ thống nhất trong toàn trường; bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp; khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các cơ sở.

5. Tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; quản lý thống nhất tài sản các cơ sở; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ và thực hiện giáo dục bắt buộc.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và dạy học: 100% học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; từng bước thay thế hồ sơ, sổ sách giấy bằng hồ sơ số; hợp nhất, chuẩn hóa dữ liệu của các trường trước sắp xếp.

7. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tổ chức giáo dục STEM thiết thực, gắn với môn học, không theo phong trào; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa học đường, thể chất, nghệ thuật, kỹ năng sống.

8. Thực hiện nghiêm việc cắt giảm các cuộc thi, hồ sơ, sổ sách, hội họp và báo cáo trung gian không cần thiết theo Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT; thực hiện hồ sơ theo đúng Điều lệ trường (Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT).

9. Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm; công khai, quản lý tài chính, thu - chi, tài trợ minh bạch, tự nguyện, đúng quy định; không lạm thu. Tăng cường truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo chính xác, kịp thời, không trùng lặp.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Xây dựng phương án bảo đảm an ninh, an toàn riêng cho từng cơ sở (phòng cháy, chữa cháy; an toàn điện; an toàn công trình; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; an toàn giao thông khu vực cổng trường; đón, trả học sinh). Phối hợp với Công an xã trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, phân luồng giao thông tại cổng các cơ sở.

Tuyên truyền, giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại, bạo lực học đường, an toàn trên môi trường mạng; xây dựng văn hóa học đường; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp; thực hiện tốt y tế trường học, phòng, chống đuối nước, tai nạn thương tích.

Tuyên truyền kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành tới cán bộ, giáo viên, nhân viên; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách học sinh.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện **một kế hoạch giáo dục thống nhất trong toàn trường**, bao gồm hoạt động giáo dục tại trường chính và các phân hiệu; xác định rõ việc tổ chức dạy học tại từng cơ sở, phương án sử dụng đội ngũ, cơ sở vật chất,

thiết bị và cơ chế điều phối giữa các cơ sở (theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT). Thực hiện Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; hoàn thành, báo cáo Sở GDĐT **trước ngày 20/9/2026**. Tuần học thứ nhất bắt đầu từ thứ Hai, ngày 07/9/2026. Sử dụng thống nhất 01 bộ sách giáo khoa theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT và Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT; rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu, ngữ liệu dạy học sau sáp nhập.

Thực hiện Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2020 hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2020 hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và hoạt động tin học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 17/2/2020 hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2.

Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục do tổ chuyên môn xây dựng theo từng khối lớp (Phụ lục 2 Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH); cập nhật nội dung môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, lớp 5 theo Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT; xây dựng, tổ chức tiết đọc, tiết học tại thư viện theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT. Lồng ghép thiết thực các nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh (Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT), quyền con người, liêm chính, bình đẳng giới, chăm sóc mắt, chủ quyền biển đảo, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, ... không làm tăng thời lượng, gây quá tải.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025: Mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút; **tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương 32 tiết/tuần)**; không sử dụng buổi học thứ hai để dạy trước chương trình hoặc tăng khối lượng kiến thức; **không giao bài tập về nhà cho học sinh**, giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập tại lớp. Thời khóa biểu thống nhất toàn trường, sắp xếp khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phù hợp tâm sinh lý học sinh; bố trí giáo viên dạy nhiều cơ sở hợp lý về thời gian di chuyển.

Tổ chức bán trú: Thực hiện theo hướng dẫn của UBND Thành phố, Sở GDĐT và UBND xã Bình Minh; trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh. Hoạt động bán trú được tổ chức từ sau giờ học buổi sáng đến trước giờ học buổi chiều (ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí), góp phần rèn luyện kỹ năng sống, tính kỷ luật, tự phục vụ, chia sẻ, yêu thương. Nhà cung cấp suất ăn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ban Mai. Thực đơn được thống nhất theo chu kỳ 02 tuần/lần; tổ chức kiểm tra, tiếp nhận thực phẩm lúc 5h30 hằng ngày có sổ theo dõi; thực hiện đầy đủ quy trình giao nhận, kiểm thực ba bước, lưu mẫu thức ăn; kiểm soát nguồn gốc thực phẩm và nhà cung cấp; huy động cha mẹ học sinh tham gia giám sát. Thực hiện Nghị quyết số 84/2026/NQ-HĐND ngày 15/7/2026 của HĐND Thành phố (hỗ trợ bữa ăn bán trú), Hướng dẫn số 02/BCĐ-HD ngày 18/7/2026 của Ban Chỉ đạo ATTP Thành phố, Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022 của Bộ GDĐT và Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND Thành phố (Đề án mô hình tổ chức bữa ăn bán trú giai đoạn 2026

- 2030); sử dụng hệ thống HanoiCheck, số hóa đầy đủ thông tin bữa ăn, thực phẩm, nhà cung cấp.

Hoạt động sau giờ học chính khóa: Tổ chức theo nhu cầu, sở thích của học sinh, trên tinh thần tự nguyện, trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính khóa đến khi cha mẹ đón về (sinh hoạt câu lạc bộ, đọc sách, thể dục thể thao, nghệ thuật, trông giữ học sinh ngoài giờ); các hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu chỉ thực hiện khi đã sử dụng hết định mức lao động của đội ngũ, trên tinh thần tự nguyện, thu chi đúng quy định; nhà trường xây dựng **Đề án tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu trình UBND xã Bình Minh phê duyệt** trước khi triển khai; công khai, không ép buộc học sinh tham gia. Hoạt động liên kết giáo dục với nước ngoài (nếu có) thực hiện nghiêm Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND Thành phố.

3. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội (lớp 1, 2, 3), Khoa học, Lịch sử và Địa lí (lớp 4, 5), Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Hoạt động trải nghiệm, Tin học và Công nghệ (lớp 3, 4, 5), Ngoại ngữ 1 (lớp 3, 4, 5). Môn học tự chọn: Tiếng Anh lớp 1, 2.

Các hoạt động củng cố, hỗ trợ học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt; các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu; hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương.

4. Tổ chức dạy học ngoại ngữ, Tin học; giáo dục năng lực số và trí tuệ nhân tạo

4.1. Dạy học Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)

- Lớp 3, 4, 5: môn học bắt buộc, 04 tiết/tuần theo Chương trình GDPT 2018.

- Lớp 1, 2: triển khai Chương trình làm quen tiếng Anh/Ngoại ngữ 1 tự chọn (02 tiết/tuần) theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh, bảo đảm liên thông với các lớp trên; sẵn sàng điều kiện khi Bộ GDĐT chỉ đạo dạy bắt buộc tiếng Anh lớp 1, lớp 2.

- Triển khai Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" (Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025) theo Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 của UBND Thành phố: lựa chọn một trong ba mô hình tại Công văn số 4096/SGDDT-GDTrH ngày 10/8/2026 (mô hình nhà trường lựa chọn: Mức chuẩn bị); **đăng ký mức độ cần đạt trong học kỳ I năm học 2026 - 2027** (mức độ đăng kí: Làm quen); đánh giá kết quả cuối năm học. Năm học 2026 - 2027 tập trung chuẩn bị điều kiện: xây dựng English Zone, câu lạc bộ, học liệu song ngữ; bài thể dục buổi sáng bằng tiếng Anh; bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giáo viên; phần đầu đáp ứng Mức độ 1 theo lộ trình (mục tiêu của Thành phố đến năm 2030: 100% cơ sở giáo dục đạt Mức độ 1).

- Điều phối 08 giáo viên Tiếng Anh (Trường chính 03, Phân hiệu 1: 03, Phân hiệu 2: 02) để bảo đảm đủ thời lượng; dạy tiếng Anh (tự chọn) cho HS khối 1, 2 thực hiện

trên cơ sở tự nguyện, công khai, đúng quy định; giáo viên dạy chính khóa không dạy thêm có thu tiền đối với học sinh lớp mình đang dạy.

4.2. Dạy học Tin học; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo

- Tin học là môn bắt buộc, 01 tiết/tuần đối với 35 lớp khối 3, 4, 5. Hiện nhà trường có 01 giáo viên Tin học (Phân hiệu 1): xây dựng thời khóa biểu liên cơ sở, tham mưu bổ sung giáo viên, phân công giáo viên có năng lực Tin học hỗ trợ; sử dụng chung phòng máy, thiết bị giữa các cơ sở.

- Chủ động tổ chức hoạt động giáo dục Tin học, kỹ năng công dân số cho học sinh lớp 1, lớp 2 (Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024). Tổ chức giáo dục năng lực số theo Khung năng lực số (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT) thông qua môn Tin học và tích hợp trong các môn học, hoạt động giáo dục; triển khai giáo dục trí tuệ nhân tạo theo Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo (Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026) và Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026.

- Quản lý, sử dụng học bạ số theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026; triển khai Learning ID (mã định danh học tập) cho 100% học sinh; khai thác nội dung giáo dục văn hóa giao thông trên nền tảng "Bình dân học vụ số".

- **Mỗi giáo viên xây dựng tối thiểu 01 sản phẩm học liệu số cốt lõi/học kỳ;** nhà trường thẩm định, đưa vào kho học liệu chung và khen thưởng sản phẩm chất lượng; khai thác Trục LMS thống nhất của Thành phố (<https://study.hanoi.edu.vn>).

- Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số.

- Tạo điều kiện cho học sinh tham gia các sân chơi trí tuệ trên Internet (Toán, Tiếng Anh, An toàn giao thông, ...) trên tinh thần tự nguyện, không bắt buộc, không thu phí.

5. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương

Sử dụng tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hà Nội đã được phê duyệt; rà soát, cập nhật nội dung, ngữ liệu, tên địa danh, đơn vị hành chính phù hợp sau sắp xếp; khuyến khích sử dụng tiếng Anh trong thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Tổ chức dạy học đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa, điều kiện phát triển của địa phương.

Tổ chức dạy học mạch nội dung "Địa phương em" (môn Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5) theo Công văn số 5576/BGDĐT-GDTH ngày 02/12/2021, gồm hai chủ đề:

5.1. Thiên nhiên và con người địa phương

- Xác định được vị trí địa lí của thành phố Hà Nội và xã Bình Minh trên bản đồ; mô tả được một số nét chính về tự nhiên (địa hình, khí hậu, ...) có sử dụng lược đồ, bản đồ.

- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở nơi học sinh cư trú, ở xã Bình Minh và thành phố Hà Nội; thể hiện được tình cảm với quê hương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường.

5.2. Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương

- Mô tả được một số nét văn hóa (nhà ở, phong tục, lễ hội, ẩm thực, ...) của thôn, xã, thành phố; giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, trang phục hoặc lễ hội tiêu biểu.

- Kể lại được câu chuyện về một danh nhân của xã Bình Minh hoặc thành phố Hà Nội. Kết hợp dạy học trên lớp với học tập tại thực địa, tham quan, sưu tầm tư liệu (có kế hoạch và phương án an toàn).

6. Tổ chức giáo dục STEM

Tổ chức giáo dục STEM phù hợp với mục tiêu Chương trình, điều kiện nhà trường và năng lực học sinh; gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chú trọng tư duy khoa học, tư duy thiết kế, năng lực giải quyết vấn đề, hợp tác; kết hợp với phát triển năng lực số. **Không tổ chức giáo dục STEM theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết** (Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT).

- Hình thức chủ yếu: dạy học các môn học theo bài học STEM, trong thời lượng quy định của môn học, không phát sinh thêm thời gian học tập; bài học STEM thay thế bài học tương ứng trong sách giáo khoa.

- Mỗi lớp thực hiện **tối thiểu 02 bài học STEM/học kỳ** (tối thiểu 04 bài/năm học), thuộc các môn Toán, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Tin học và Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm, tích hợp Mĩ thuật, Lịch sử và Địa lí; danh mục bài cụ thể theo kế hoạch của tổ chuyên môn (Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023; Công văn số 1099/SGDĐT-GDTH ngày 11/4/2023).

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học STEM trong kế hoạch giáo dục của tổ; Phó Hiệu trưởng Thái Thị Minh Thi phê duyệt và tổng hợp kế hoạch toàn trường; khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có, dùng chung giữa các cơ sở; sử dụng nguồn học liệu tại <https://stemtieuhoc.edu.vn>.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá

7.1. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tiếp tục dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; giáo viên chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch dạy học; vận dụng phù hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực (phương pháp "Bàn tay nặn bột", dạy học Mĩ thuật theo chủ đề, ...), tăng cường ứng dụng công nghệ số và học liệu số.

Tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn định kỳ 02 tuần/lần theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026: tích hợp nghiên cứu bài học với chuyên đề, dạy học theo chủ đề và bồi dưỡng thường xuyên, gắn với giải quyết vấn đề thực tiễn, phân tích kết quả học tập; tổ chức thống nhất giữa trường chính và các phân hiệu, kết hợp trực

tiếp và trực tuyến; không hành chính hóa, không phát sinh hồ sơ. Tham gia đầy đủ sinh hoạt cụm chuyên môn, chuyên đề cấp cụm, cấp Thành phố theo lịch của Sở GDĐT.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, giáo viên tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm để kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh; **coi dự giờ như một hoạt động thăm lớp nhẹ nhàng.**

7.2. Kiểm tra, đánh giá

Đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020: đánh giá mức độ đạt được yêu cầu cần đạt và biểu hiện về phẩm chất, năng lực; đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên, cha mẹ học sinh. Thực hiện thống nhất yêu cầu, quy trình kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong toàn trường, bảo đảm công bằng giữa học sinh các cơ sở.

Tổ chuyên môn xây dựng ma trận, bản đặc tả, ngân hàng câu hỏi; tổ chức **bài kiểm tra định kỳ chung toàn trường**, khuyến khích kiểm tra trên máy tính; nội dung bám sát yêu cầu cần đạt, hạn chế ghi nhớ máy móc. Khảo sát, phân tích chất lượng đầu năm (tháng 9/2026), lập danh sách nhóm học sinh cần hỗ trợ và kế hoạch can thiệp. Học sinh khuyết tật được đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân khi cần điều chỉnh yêu cầu.

Cập nhật kết quả đánh giá vào học bạ số đầy đủ, kịp thời; bàn giao chất lượng cuối năm nghiêm túc, không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tràn lan.

7.3. Khen thưởng, kỷ luật học sinh

Thực hiện theo Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 của Bộ GDĐT và Điều 13 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; khen thưởng công khai, khách quan, kịp thời, tương xứng thành tích, tránh tràn lan; kỷ luật học sinh theo Điều 11, Điều 12, Khoản 1 Điều 13, Điều 14, Điều 16, Điều 17 Chương III Thông tư số 19/2025/TT-BGDĐT, theo hướng kỷ luật tích cực.

8. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú và hoạt động ngoài giờ chính khóa

8.1. Dạy học 2 buổi/ngày

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày: 61/61 lớp = 100%. Tăng cường nền nếp, kỷ cương; kết hợp dạy chữ với dạy người; tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; phối hợp với Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong giáo dục học sinh. Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu học sinh qua giờ học và hoạt động câu lạc bộ.

8.2. Tổ chức bán trú

Thực hiện như mục 2; mỗi cơ sở có Ban quản lý bán trú, phân công giáo viên, nhân viên trực bán trú; thực hiện lịch tiếp nhận thực phẩm 5h30 hằng ngày, chốt thực đơn 02 tuần/lần; kiểm tra định kỳ, đột xuất điều kiện an toàn thực phẩm tại các bếp ăn.

8.3. Hoạt động sau giờ học chính khóa

Căn cứ nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh, Phó Hiệu trưởng Thái Thị Minh Thi xây dựng kế hoạch chi tiết (câu lạc bộ đọc sách, múa hát, thể dục thể thao, Giáo dục kỹ năng sống, trông giữ học sinh ngoài giờ trên cơ sở giáo viên tự nguyện đăng ký); thành lập Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể tại từng cơ sở. Riêng hoạt động giáo dục kỹ năng sống liên kết với Công ty Novastar được xếp cố định 01 tiết/tuần vào tiết 3 chiều thứ Tư.

8.4. Giáo dục thể chất, nghệ thuật, trí tuệ cảm xúc

- Triển khai Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND Thành phố về phát triển thể chất và thể thao trong trường mầm non, tiểu học giai đoạn 2026 - 2030: tổ chức **bài thể dục buổi sáng 15 - 20 phút/ngày** trên nền nhạc có lời tiếng Anh (tối thiểu 70% số bài dùng khẩu lệnh, hướng dẫn hoàn toàn bằng tiếng Anh); thực hiện **03 tiết/tuần** giáo dục thể chất và thể thao (02 tiết GDTC theo chương trình và 01 tiết tăng cường thể thao trong buổi học thứ hai); lựa chọn tối thiểu 02 môn thể thao (Bóng đá và Võ), hướng tới mỗi học sinh biết chơi ít nhất 01 môn thể thao.

- Tổ chức tối thiểu 01 giải thi đấu thể thao cấp trường/năm; thành lập câu lạc bộ thể thao; triển khai Sổ sức khỏe điện tử, theo dõi thể lực - tầm vóc theo Kế hoạch số 3262/KH-SGDĐT ngày 06/7/2026 để tư vấn, hỗ trợ, không dùng kết quả xếp hạng học sinh; tăng cường dạy bơi, kỹ năng an toàn trong môi trường nước.

- Tăng cường giáo dục nghệ thuật theo Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026: khuyến khích mỗi học sinh lựa chọn, duy trì thực hành ít nhất 01 nhạc cụ hoặc 01 loại hình nghệ thuật; ưu tiên nghệ thuật truyền thống, di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội; tổ chức qua môn học, câu lạc bộ, sân chơi, hoạt động trải nghiệm.

- Triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc (EQ) theo Kế hoạch số 3545/KH-SGDĐT ngày 21/7/2026: lồng ghép trong giờ học, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa; gắn với xây dựng lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc; kết quả chỉ dùng để hỗ trợ, bảo mật, không gắn nhãn học sinh.

9. Các cuộc thi, hội thi và hoạt động giao lưu

Thực hiện nghiêm Công văn số 5922/BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 về cắt giảm các cuộc thi:

9.1. Đối với giáo viên

- **Không tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để lấy thành tích.** Lựa chọn, giới thiệu giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố (theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT, chu kỳ đối với giáo viên dạy lớp 4) khi Sở GDĐT tổ chức, bảo đảm thiết thực, khách quan, không phát sinh hồ sơ, minh chứng không cần thiết.

- Thay thế bằng các hoạt động: Chuyên đề, dạy minh họa, nghiên cứu bài học, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở; khuyến khích giáo viên tự nguyện chia sẻ sáng

kiến, thiết kế học liệu số, thiết bị dạy học, ứng dụng CNTT, AI phục vụ trực tiếp hoạt động chuyên môn.

9.2. Đối với học sinh

- **Không tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường**, không thành lập đội tuyển ôn luyện gây áp lực cho học sinh.

- Tổ chức giao lưu tiếng Anh, các hoạt động giao lưu có sử dụng tiếng Anh cấp cơ sở (học kỳ I và học kỳ II) và các sân chơi, giao lưu khác (STEM, Vioedu, viết chữ đẹp, văn nghệ, thể dục thể thao, chuyển đổi số, AI, ...) theo tinh thần vui chơi, tự nguyện, thiết thực, không thu phí; không biến thành kỳ thi; **không sử dụng kết quả, số lượng giải thưởng làm căn cứ đánh giá chất lượng hoặc thi đua**.

- Căn cứ kế hoạch của Sở GDĐT, UBND xã, Phó Hiệu trưởng Thái Thị Minh Thi (phụ trách các cuộc thi) thông báo công khai tới giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh để tự nguyện tham gia.

10. Kiểm định chất lượng, xây dựng trường chuẩn quốc gia

Thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026. Rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn sau sáp nhập, xây dựng kế hoạch công nhận, công nhận lại; thực hiện tự đánh giá đối với nhà trường sau sắp xếp; xem xét đầy đủ điều kiện và kết quả tại trường chính và từng phân hiệu; rà soát, kế thừa hồ sơ, minh chứng còn giá trị của các trường trước sáp xếp. Trường hợp sắp xếp làm thay đổi các điều kiện bảo đảm chất lượng, xây dựng kế hoạch khắc phục, bổ sung.

Chỉ tiêu: Phần đầu đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2028. Tham mưu UBND xã đầu tư phòng học bộ môn, phòng chức năng, thiết bị còn thiếu; phát động phong trào "Giữ gìn trường lớp sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn".

11. Công tác phổ cập giáo dục

Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT. Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỷ lệ giáo viên/lớp: $83/61 = 1.4$. Điều tra, cập nhật số liệu phổ cập chính xác, khớp đúng giữa các cấp học; tham mưu Ban chỉ đạo PCGD - XMC xã tổng kết năm 2026, triển khai năm 2027; tổ chức họp cha mẹ học sinh định kỳ 03 lần/năm (chi tiết tại mục V).

12. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Bảo đảm điều kiện để trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục; tăng cường giáo dục hòa nhập; học sinh khuyết tật được học tập, đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân, được miễn, giảm nội dung phù hợp dạng tật, mức độ khuyết tật. Thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT về giáo dục hòa nhập; tham mưu thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và nhà giáo, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP).

- Điều tra, lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật tại từng lớp, từng cơ sở.

- Giáo viên chủ nhiệm nắm bắt hoàn cảnh, có biện pháp hỗ trợ, động viên kịp thời; Tổng phụ trách Đội phối hợp theo dõi sự tiến bộ của học sinh.

- Vận động các nguồn lực hỗ trợ học sinh khó khăn (sách vở, quà dịp Tết, Trung thu, ...) đúng quy định, tự nguyện.

13. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

13.1. Bố trí, sử dụng đội ngũ

Đội ngũ được quản lý, sử dụng thống nhất toàn trường; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ địa điểm, căn cứ vị trí việc làm, chuyên môn đào tạo, năng lực; việc phân công giữa trường chính và các phân hiệu là phân công nội bộ, không làm thay đổi đơn vị công tác của viên chức. Giáo viên dạy tại nhiều cơ sở được bố trí hợp lý về khối lượng công việc, thời gian di chuyển, bảo đảm an toàn.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện; phân công nhiệm vụ theo yêu cầu "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả); bố trí **Phó Hiệu trưởng thường trực** tại trường chính, Phân hiệu 1 và Phân hiệu 2 để phụ trách trực tiếp, điều hành hoạt động tại từng địa điểm; việc phân công, ủy quyền thực hiện bằng văn bản. Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa trường chính và các phân hiệu trong tháng 9/2026.

Tổ chuyên môn được tổ chức thống nhất trong phạm vi toàn trường; căn cứ điều kiện thực tế, Hiệu trưởng tổ chức nhóm chuyên môn tại phân hiệu (không phát sinh chức danh quản lý). Việc bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn thực hiện đúng quy trình, quy định. Thực hiện tốt quy chế dân chủ; kiên quyết nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục.

13.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ

Đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành (Thông tư số 30/2026/TT-BGDĐT); trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên gắn với sinh hoạt chuyên môn; tăng cường bồi dưỡng năng lực quản trị trường nhiều cơ sở, năng lực số, tiếng Anh; phát huy đội ngũ cốt cán hỗ trợ các cơ sở còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch chất lượng. Tạo điều kiện cho giáo viên học nâng chuẩn theo Luật Giáo dục và Luật Nhà giáo.

13.3. Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tổ chức bàn giao, tiếp nhận, kiểm kê, hợp nhất dữ liệu tài sản sau sắp xếp; giao trách nhiệm quản lý tài sản tại từng cơ sở cho bộ phận, cá nhân cụ thể; điều phối, dùng chung thiết bị giữa các cơ sở. Rà soát thiết bị hiện có, lập kế hoạch mua sắm theo nhu cầu thực tế, tránh lãng phí; kiên quyết không để tình trạng "thiết bị đến trường mà không ra lớp". Đổi mới hoạt động thư viện, bảo đảm lưu trữ sách giáo khoa sử dụng lâu dài.

14. Công tác quản lý, quản trị trường học

14.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục

Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường; tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy. Bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực; bảo đảm cuối năm học đạt yêu cầu cần đạt. Thực hiện quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình theo Điều lệ trường (Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT); huy động sự tham gia của giáo viên, cha mẹ học sinh, cộng đồng trong xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch. Thực hiện tiếp công dân theo quy định; công khai đường dây nóng trên Website và bảng tin tại từng cơ sở; kịp thời chấn chỉnh, xử lý tình trạng lạm thu, tổ chức hoạt động giáo dục trái quy định.

14.2. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Bảo đảm 100% học sinh có học bạ số, kết nối với Cơ sở dữ liệu học bạ số của Bộ và cơ sở dữ liệu ngành; không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.

- Quản trị dựa trên cơ sở dữ liệu ngành theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống" và "một lần cập nhật dữ liệu, nhiều lần khai thác"; vận hành hiệu quả Hệ sinh thái quản lý giáo dục và Trục LMS thống nhất của Thành phố; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Rà soát, chuẩn hóa, hợp nhất dữ liệu học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất của các trường trước sắp xếp (hoàn thành rà soát trong tháng 9/2026), bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục, không mất lịch sử dữ liệu; phân quyền truy cập theo nhiệm vụ.

- Triển khai hồ sơ số, sổ sách số theo lộ trình của Bộ GDĐT; không yêu cầu đồng thời hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử có cùng nội dung (trừ trường hợp pháp luật quy định); sử dụng chữ ký số, sổ liên lạc điện tử eNetViet.

- Tăng cường ứng dụng AI, dữ liệu trong quản trị (thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất) và hỗ trợ dạy học; chuẩn bị phương án dạy học trực tuyến khi thiên tai, dịch bệnh.

14.3. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học

Tăng cường hoạt động học tập ngoài lớp học, trải nghiệm, gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức hoạt động giáo dục, chuyên đề, phụ đạo, bồi dưỡng theo hình thức liên lớp, liên khối, liên phân hiệu phù hợp. Lồng ghép giáo dục đạo đức, quốc phòng - an ninh, pháp luật, tài chính, an toàn giao thông, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tai nạn thương tích, chủ quyền biển đảo, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

14.4. Công tác kiểm tra, thi đua, khen thưởng

Tăng cường kiểm tra nội bộ, nhất là kiểm tra chuyên môn tại từng cơ sở; giải quyết kịp thời, đúng quy định ý kiến, phản ánh của viên chức, người lao động, cha mẹ học

sinh. Thực hiện thi đua, khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; tiêu chí thi đua thực chất, công khai, không sử dụng số lượng giải thưởng hội thi, sân chơi làm căn cứ thi đua.

14.5. Công tác thông tin, báo cáo

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thống nhất toàn trường; phân hiệu cung cấp, cập nhật thông tin theo phân công. Không yêu cầu báo cáo trung gian, không báo cáo lại số liệu đã có trên cơ sở dữ liệu ngành; cập nhật cơ sở dữ liệu ngành đầy đủ, chính xác, đúng hạn.

14.6. Hỗ trợ, chia sẻ giữa các cơ sở

Phát huy đội ngũ giáo viên có năng lực, kinh nghiệm hỗ trợ các cơ sở còn khó khăn thông qua dạy minh họa, sinh hoạt chuyên môn liên phân hiệu, chia sẻ học liệu; theo dõi, phân tích kết quả giáo dục theo từng cơ sở để điều phối nguồn lực, từng bước thu hẹp chênh lệch về điều kiện và chất lượng giáo dục.

14.7. Công tác truyền thông

Xây dựng kế hoạch truyền thông năm học; thống nhất một đầu mối quản lý Website, trang thông tin của nhà trường; phân công cộng tác viên tại từng cơ sở. Tuyên truyền về Chương trình GDPT 2018, sách giáo khoa, chính sách mới; chủ động xử lý thông tin; lan tỏa gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến; tạo đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

14.8. Cắt giảm hồ sơ, sổ sách, hội họp

- Hồ sơ giáo viên thực hiện theo Điều lệ trường (Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT): Kế hoạch bài dạy; Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên chủ nhiệm); Sổ công tác Đội (đối với Tổng phụ trách Đội). Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn do tổ chuyên môn xây dựng.

- Phân loại rõ hồ sơ dùng chung và hồ sơ dùng riêng; tuyệt đối không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định tại các phân hiệu; không yêu cầu thêm hồ sơ, sổ sách, biểu mẫu, minh chứng ngoài quy định; hồ sơ nội bộ thực sự cần thiết phải được tập thể đồng thuận và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Rà soát, cắt giảm các cuộc họp hành chính không cần thiết; ưu tiên thời gian cho dạy học và sinh hoạt chuyên môn; kết hợp họp trực tuyến giữa các cơ sở.

III. ĐĂNG KÝ DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Các chỉ tiêu

1.1. Tập thể

- Tập thể Lao động Xuất sắc.
- Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa: Đạt;
- Trường học an toàn, xanh - sạch - đẹp, thân thiện: Đạt;
- Liên đội: Liên đội Mạnh cấp Trung ương.

1.2. Cá nhân

- Lao động tiên tiến: 100/110 đồng chí, đạt 91%;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 20 đồng chí (cán bộ quản lý: 02; giáo viên: 16; nhân viên: 02) gắn với sáng kiến có hiệu quả thực tế được công nhận.

2. Các biện pháp thực hiện

Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm công bằng, khách quan, thực chất; xây dựng tiêu chí thi đua thống nhất trong toàn trường ngay từ đầu năm học, công khai tới toàn thể viên chức, người lao động.

Chi đoàn, Liên đội xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; giao việc đúng người, đúng việc để phát huy sở trường cá nhân.

Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt tại các cơ sở; khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Người phụ trách: Nguyễn Thị Mai - Hiệu trưởng

IV. CÁC CHỈ TIÊU VỀ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

1. Phát triển số lượng

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Nữ	HS học 2 buổi/ngày	HS ăn bán trú	HS khuyết tật	Dự kiến tỉ lệ HS hoàn thành CT lớp học
1	13	415	182	415	357	0	
2	13	434	205	434	372	2	
3	12	413	197	413	310	3	
4	13	453	209	453	310	2	
5	10	405	166	405	244	3	
Tổng	61	2.120	959	2.120	1593	10	≥ 99,6%

Quy mô lớp theo cơ sở:

Cơ sở	Số lớp/số học sinh theo khối					Tổng lớp/HS	Số CB-GV-NV
	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5		
Trường chính (lớp A) (TH Bình Minh A cũ)	5/168	5/161	4/150	5/167	4/155	23/801	41
Phân hiệu 1 (lớp B) (TH Thanh Cao cũ)	5/163	5/179	5/164	5/183	4/158	24/847	42
Phân hiệu 2 (lớp C) (TH Bình Minh B cũ)	3/84	3/94	3/99	3/103	2/92	14/472	27
Toàn trường	13/415	13/434	12/413	13/453	10/405	61/2.120	110

2. Chất lượng giáo dục (chỉ tiêu phấn đấu)

Phấn đấu tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99,6% trở lên; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 99,8% trở lên (theo chỉ tiêu của Sở GDĐT).

2.1. Đánh giá kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục (theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT)

TT	Môn học, hoạt động giáo dục	Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (415 học sinh)								
1	Tiếng Việt	415	212	51	203	49	0	0
2	Toán	415	212	51	203	49	0	0
3	Đạo đức	415	212	51	203	49	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	415	212	51	203	49	0	0
5	Giáo dục thể chất	415	212	51	203	49	0	0
6	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	415	212	51	203	49	0	0
7	Nghệ thuật (Âm nhạc)	415	212	51	203	49	0	0
8	Hoạt động trải nghiệm	415	212	51	203	49	0	0
Khối 2 (434 học sinh)								
1	Tiếng Việt	434	217	50	217	50	0	0
2	Toán	434	217	50	217	50	0	0
3	Đạo đức	434	217	50	217	50	0	0
4	Tự nhiên và Xã hội	434	217	50	217	50	0	0
5	Giáo dục thể chất	434	217	50	217	50	0	0
6	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	434	217	50	217	50	0	0
7	Nghệ thuật (Âm nhạc)	434	217	50	217	50	0	0
8	Hoạt động trải nghiệm	434	217	50	217	50	0	0
Khối 3 (413 học sinh)								
1	Tiếng Việt	413	202	49	211	51	0	0
2	Toán	413	202	49	211	51	0	0
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	413	202	49	211	51	0	0
4	Đạo đức	413	202	49	211	51	0	0
5	Tự nhiên và Xã hội	413	202	49	211	51	0	0
6	Tin học và Công nghệ (Tin học)	413	202	49	211	51	0	0
7	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	413	202	49	211	51	0	0
8	Giáo dục thể chất	413	202	49	211	51	0	0
9	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	413	202	49	211	51	0	0
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	413	202	49	211	51	0	0
11	Hoạt động trải nghiệm	413	202	49	211	51	0	0
Khối 4 (453 học sinh)								
1	Tiếng Việt	453	217	48	236	52	0	0
2	Toán	453	217	48	236	52	0	0
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	453	217	48	236	52	0	0
4	Đạo đức	453	217	48	236	52	0	0

TT	Môn học, hoạt động giáo dục	Tổng số HS	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	%	SL	%	SL	%
5	Khoa học	453	217	48	236	52	0	0
6	Lịch sử và Địa lí	453	217	48	236	52	0	0
7	Tin học và Công nghệ (Tin học)	453	217	48	236	52	0	0
8	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	453	217	48	236	52	0	0
9	Giáo dục thể chất	453	217	48	236	52	0	0
10	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	453	217	48	236	52	0	0
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)	453	217	48	236	52	0	0
12	Hoạt động trải nghiệm	453	217	48	236	52	0	0
Khối 5 (405 học sinh)								
1	Tiếng Việt	405	190	47	215	53	0	0
2	Toán	405	190	47	215	53	0	0
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	405	190	47	215	53	0	0
4	Đạo đức	405	190	47	215	53	0	0
5	Khoa học	405	190	47	215	53	0	0
6	Lịch sử và Địa lí	405	190	47	215	53	0	0
7	Tin học và Công nghệ (Tin học)	405	190	47	215	53	0	0
8	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	405	190	47	215	53	0	0
9	Giáo dục thể chất	405	190	47	215	53	0	0
10	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	405	190	47	215	53	0	0
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)	405	190	47	215	53	0	0
12	Hoạt động trải nghiệm	405	190	47	215	53	0	0

2.2. Đánh giá phẩm chất, năng lực

a) Những phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (415 học sinh)							
Yêu nước	415	212	51	203	49	0	0
Nhân ái	415	212	51	203	49	0	0
Chăm chỉ	415	212	51	203	49	0	0
Trung thực	415	212	51	203	49	0	0
Trách nhiệm	415	212	51	203	49	0	0
Khối 2 (434 học sinh)							
Yêu nước	434	217	50	217	50	0	0
Nhân ái	434	217	50	217	50	0	0
Chăm chỉ	434	217	50	217	50	0	0
Trung thực	434	217	50	217	50	0	0
Trách nhiệm	434	217	50	217	50	0	0

Phẩm chất	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 3 (413 học sinh)							
Yêu nước	413	202	49	211	51	0	0
Nhân ái	413	202	49	211	51	0	0
Chăm chỉ	413	202	49	211	51	0	0
Trung thực	413	202	49	211	51	0	0
Trách nhiệm	413	202	49	211	51	0	0
Khối 4 (453 học sinh)							
Yêu nước	453	217	48	236	52	0	0
Nhân ái	453	217	48	236	52	0	0
Chăm chỉ	453	217	48	236	52	0	0
Trung thực	453	217	48	236	52	0	0
Trách nhiệm	453	217	48	236	52	0	0
Khối 5 (405 học sinh)							
Yêu nước	405	190	47	215	53	0	0
Nhân ái	405	190	47	215	53	0	0
Chăm chỉ	405	190	47	215	53	0	0
Trung thực	405	190	47	215	53	0	0
Trách nhiệm	405	190	47	215	53	0	0

b) Những năng lực chung

Năng lực chung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (415 học sinh)							
Tự chủ và tự học	415	212	51	203	49	0	0
Giao tiếp và hợp tác	415	212	51	203	49	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	415	212	51	203	49	0	0
Khối 2 (434 học sinh)							
Tự chủ và tự học	434	217	50	217	50	0	0
Giao tiếp và hợp tác	434	217	50	217	50	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	434	217	50	217	50	0	0
Khối 3 (413 học sinh)							
Tự chủ và tự học	413	202	49	211	51	0	0
Giao tiếp và hợp tác	413	202	49	211	51	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	413	202	49	211	51	0	0
Khối 4 (453 học sinh)							
Tự chủ và tự học	453	217	48	236	52	0	0
Giao tiếp và hợp tác	453	217	48	236	52	0	0

Năng lực chung	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	453	217	48	236	52	0	0
Khối 5 (405 học sinh)							
Tự chủ và tự học	405	190	47	215	53	0	0
Giao tiếp và hợp tác	405	190	47	215	53	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	405	190	47	215	53	0	0

c) Những năng lực đặc thù

Năng lực đặc thù	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1 (415 học sinh)							
Ngôn ngữ	415	212	51	203	49	0	0
Tính toán	415	212	51	203	49	0	0
Khoa học	415	212	51	203	49	0	0
Thẩm mỹ	415	212	51	203	49	0	0
Thể chất	415	212	51	203	49	0	0
Khối 2 (434 học sinh)							
Ngôn ngữ	434	217	50	217	50	0	0
Tính toán	434	217	50	217	50	0	0
Khoa học	434	217	50	217	50	0	0
Thẩm mỹ	434	217	50	217	50	0	0
Thể chất	434	217	50	217	50	0	0
Khối 3 (413 học sinh)							
Ngôn ngữ	413	202	49	211	51	0	0
Tính toán	413	202	49	211	51	0	0
Khoa học	413	202	49	211	51	0	0
Công nghệ	413	202	49	211	51	0	0
Tin học	413	202	49	211	51	0	0
Thẩm mỹ	413	202	49	211	51	0	0
Thể chất	413	202	49	211	51	0	0
Khối 4 (453 học sinh)							
Ngôn ngữ	453	217	48	236	52	0	0
Tính toán	453	217	48	236	52	0	0
Khoa học	453	217	48	236	52	0	0
Công nghệ	453	217	48	236	52	0	0
Tin học	453	217	48	236	52	0	0
Thẩm mỹ	453	217	48	236	52	0	0
Thể chất	453	217	48	236	52	0	0
Khối 5 (405 học sinh)							

Năng lực đặc thù	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	405	190	47	215	53	0	0
Tính toán	405	190	47	215	53	0	0
Khoa học	405	190	47	215	53	0	0
Công nghệ	405	190	47	215	53	0	0
Tin học	405	190	47	215	53	0	0
Thẩm mĩ	405	190	47	215	53	0	0
Thể chất	405	190	47	215	53	0	0

2.3. Kết quả các bài kiểm tra định kỳ cuối năm học

Khối	Môn	TS HS	Hoàn thành tốt				Hoàn thành								Chưa HT	
			Điểm 10		Điểm 9		Điểm 8		Điểm 7		Điểm 6		Điểm 5		Dưới 5	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Toán	415	157	38	62	15	50	12	54	13	50	12	42	10	0	0
	T. Việt	415	157	38	62	15	50	12	54	13	50	12	42	10	0	0
2	Toán	434	156	36	74	17	61	14	52	12	48	11	43	10	0	0
	T. Việt	434	156	36	74	17	61	14	52	12	48	11	43	10	0	0
3	Toán	413	160	39	50	12	54	13	54	13	54	13	41	10	0	0
	T. Việt	413	160	39	50	12	54	13	54	13	54	13	41	10	0	0
	T. Anh	413	160	39	50	12	54	13	54	13	54	13	41	10	0	0
	Tin học	413	160	39	50	12	54	13	54	13	54	13	41	10	0	0
	C. nghệ	413	160	39	50	12	54	13	54	13	54	13	41	10	0	0
4	Toán	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	T. Việt	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	T. Anh	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	Tin học	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	C. nghệ	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	Khoa học	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
	LS&ĐL	453	168	37	63	14	68	15	59	13	54	12	41	9	0	0
5	Toán	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	T. Việt	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	T. Anh	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	Tin học	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	C. nghệ	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	Khoa học	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
	LS&ĐL	405	145	36	73	18	53	13	49	12	53	13	32	8	0	0
Tổng	Toán	2.120	786	37,1	322	15,2	286	13,5	268	12,6	259	12,2	199	9,4	0	0
	T. Việt	2.120	786	37,1	322	15,2	286	13,5	268	12,6	259	12,2	199	9,4	0	0
	T. Anh	1.271	473	37,2	186	14,6	175	13,8	162	12,7	161	12,7	114	9	0	0
	Tin học	1.271	473	37,2	186	14,6	175	13,8	162	12,7	161	12,7	114	9	0	0
	C. nghệ	1.271	473	37,2	186	14,6	175	13,8	162	12,7	161	12,7	114	9	0	0
	Khoa học	858	313	36,5	136	15,9	121	14,1	108	12,6	107	12,5	73	8,5	0	0
	LS&ĐL	858	313	36,5	136	15,9	121	14,1	108	12,6	107	12,5	73	8,5	0	0

2.4. Khen thưởng học sinh (dự kiến)

Nội dung	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Học sinh Xuất sắc	157	37	156	36	160	39	168	37	145	36	786	37
Học sinh Tiêu biểu	62	15	74	17	50	12	63	14	63	16	312	14
HS đạt "Châu ngoan Bắc Hồ"	400	96	420	96	400	96	440	97	400	98	2060	97
Lớp Tiên tiến	13	100	13	100	12	100	13	100	10	100	61	100
Lớp vở sạch - chữ đẹp	13	100	13	100	12	100	13	100	10	100	61	100

2.5. Các biện pháp thực hiện

a) *Chất lượng giáo dục toàn diện*: Căn cứ kết quả năm học 2025 - 2026 của các trường trước sắp xếp, nhà trường thống nhất chỉ tiêu chất lượng theo từng khối, từng cơ sở và giao cho giáo viên. Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, tư vấn, hỗ trợ giáo viên; theo dõi, phân tích kết quả giáo dục theo từng cơ sở để điều chỉnh, hỗ trợ kịp thời.

b) *Phát triển năng khiếu học sinh*: Phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu thông qua giờ học chính khóa, buổi học thứ hai và hoạt động câu lạc bộ; tạo cơ hội để học sinh tự nguyện tham gia các sân chơi, giao lưu do cấp trên tổ chức; không thành lập đội tuyển, không ôn luyện gây áp lực.

c) *Hỗ trợ học sinh chưa đạt yêu cầu cần đạt*: Giáo viên theo dõi, phát hiện và hỗ trợ kịp thời trong quá trình dạy học; phối hợp với cha mẹ học sinh đề ra biện pháp phù hợp; duy trì phong trào "Đôi bạn cùng tiến".

Người phụ trách: Thái Thị Minh Thi - Phó Hiệu trưởng thường trực Trường chính, phụ trách chuyên môn, chuyển đổi số, các cuộc thi, phân mềm

V. CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ

1. Chỉ tiêu

a) *Về số lớp và số học sinh*

Tổng số lớp: 61; tổng số học sinh: 2.120; tổng số học sinh nữ: 959.

Khối lớp	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường		So với KH	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	Tăng	Giảm
Số lớp	13	13	13	13	12	12	13	13	10	10	61	61		
Số HS	415	415	434	434	413	413	453	453	405	405	2.120	2.120		

b) *Lớp học tình thương*: Không

c) *Học sinh khuyết tật, học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh dân tộc thiểu số*

- Học sinh khuyết tật: 10 (khối 2: 02; khối 3: 03; khối 4: 02; khối 5: 03); học sinh thuộc diện chính sách: 30; học sinh dân tộc thiểu số: 23 (nữ: 10); học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo: 29.

d) *Chỉ tiêu phổ cập giáo dục (theo 3 tiêu chí)*

- Duy trì phổ cập giáo dục tiểu học đạt **mức độ 3**; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày (61/61 lớp).

- *Tiêu chí 1*: Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 100%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 100%; trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 100%.

- *Tiêu chí 2*: Bảo đảm tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,4.

- *Tiêu chí 3*: Giữ vững số lớp, số học sinh được giao; 100% phòng học đủ ánh sáng, quạt mát, bàn ghế, thiết bị dạy học; từng bước bổ sung phòng học bộ môn theo yêu cầu trường chuẩn quốc gia.

2. Các biện pháp thực hiện

Điều tra, tuyên truyền vận động trẻ trong độ tuổi đến trường; hoàn thiện hồ sơ, cập nhật phần mềm phổ cập, đối chiếu khớp số liệu giữa các cấp học trên địa bàn; giao sĩ số từng lớp cho giáo viên ngay từ đầu năm học.

Tham mưu Ban chỉ đạo PCGD - XMC xã tổng kết công tác năm 2026, triển khai nhiệm vụ năm 2027; tham mưu kiện toàn Ban chỉ đạo sau sắp xếp.

Phối hợp Hội Khuyến học xã, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn (tự nguyện, đúng quy định). Họp cha mẹ học sinh định kỳ 03 lần/năm.

Người phụ trách: Lê Thị Thuận Quỳnh - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục

VI. CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

1. Chỉ tiêu

- Bảo hiểm y tế học sinh: 100%; bảo hiểm thân thể: tuyên truyền để cha mẹ học sinh tự nguyện tham gia, không ép buộc.

- Thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua do Đảng ủy, UBND, MTTQ, Hội Chữ thập đỏ, Hội đồng Đội xã phát động: tham gia đầy đủ, trên tinh thần tự nguyện.

- Thể chất, nghệ thuật, EQ: 100% lớp thực hiện bài thể dục buổi sáng bằng tiếng Anh và 03 tiết thể chất/tuần; tổ chức tối thiểu 01 giải thể thao cấp trường; mỗi cơ sở có câu lạc bộ thể thao, nghệ thuật; 100% lớp lồng ghép giáo dục trí tuệ cảm xúc (EQ).

- Hoạt động ngoài giờ lên lớp: nhận chăm sóc các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn xã gần các cơ sở; thăm hỏi gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường 02 lần/năm (có kế hoạch, phương án an toàn, tự nguyện); tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn: 20/11, 22/12, 3/2, 8/3, 26/3, 15/5, 19/5, ...

- Trường học an toàn, xanh - sạch - đẹp, thân thiện; dạy học hiệu quả; rèn kỹ năng sống; hoạt động vui chơi lành mạnh; chăm sóc, phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa địa phương: Đạt.

- An toàn thực phẩm: không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong bán trú tại tất cả các cơ sở.

- Phòng, chống đuối nước: 100% học sinh được giáo dục kỹ năng an toàn trong môi trường nước; phần đầu 80% học sinh biết bơi an toàn.

- Tư vấn tâm lý học sinh: mỗi cơ sở bố trí điểm tư vấn; số người phụ trách: 15; có sổ theo dõi nội dung tư vấn theo quy định.

2. Các biện pháp thực hiện

* *Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể*: Tuyên truyền để cha mẹ học sinh thấy rõ tính nhân văn, quyền lợi khi tham gia; thực hiện 100% BHYT theo quy định; bảo hiểm thân thể hoàn toàn tự nguyện.

Người phụ trách: Nguyễn Thị Mai - Hiệu trưởng

* *Các cuộc vận động: Chi đoàn, Liên đội xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện; tuyên truyền để viên chức, người lao động thấy rõ quyền và trách nhiệm, tích cực hưởng ứng.*

Người phụ trách: Nguyễn Thị Mai - Hiệu trưởng

* *Hoạt động ngoài giờ chính khóa*: Tổ chức giáo dục truyền thống, lịch sử Thủ đô, quê hương; kỹ năng thoát hiểm, phòng chống xâm hại; tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông; tổ chức văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian. Tổng phụ trách Đội phụ trách chung hoạt động Đội toàn trường; Hiệu trưởng phân công giáo viên phụ trách hoạt động Đội tại các phân hiệu. Phối hợp cán bộ văn hóa xã, trường thôn lập danh sách gia đình chính sách để học sinh khối 4, 5 thăm hỏi; thống nhất với Ban đại diện CMHS lựa chọn địa điểm trải nghiệm an toàn, phù hợp.

Người phụ trách: Lê Thị Thuận Quỳnh - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục

* *Xây dựng trường học an toàn, thân thiện*: Xây dựng tập thể đoàn kết, thân thiện giữa các cơ sở; phát động phong trào thi đua trong viên chức, người lao động, học sinh; công bố tiêu chí đánh giá.

Người phụ trách: Lê Thị Thuận Quỳnh - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục

* *An toàn thực phẩm*: Ban giám hiệu, nhân viên y tế, Ban quản lý bán trú kiểm tra thường xuyên điều kiện an toàn thực phẩm tại bếp ăn do Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ban Mai phục vụ: tiếp nhận, kiểm tra thực phẩm lúc 5g30 hằng ngày (có sổ ghi chép); thực đơn chót 02 tuần/lần; hồ sơ nguồn gốc thực phẩm; giấy khám sức khỏe, tập huấn kiến thức ATTP của nhân viên nấu ăn; lưu mẫu thức ăn. Định kỳ xét nghiệm mẫu nước uống, nước sinh hoạt tại từng cơ sở. Tuyên truyền học sinh không ăn quà vặt; không để hàng rong trong khu vực trường.

Người phụ trách: Lê Thị Thuận Quỳnh - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục

* *Phòng, chống đuối nước, dạy bơi*: Tuyên truyền sự cần thiết của việc học bơi; phối hợp Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao xã và các đơn vị có đủ điều kiện tổ chức dạy bơi an toàn cho học sinh (tự nguyện), nhất là dịp hè; lồng ghép giáo dục kỹ năng an toàn trong môn Giáo dục thể chất.

Người phụ trách: Nguyễn Thị Mai - Hiệu trưởng

* *Tư vấn tâm lý học sinh*: Duy trì hoạt động tư vấn tại từng cơ sở; cử cán bộ, giáo viên đã được bồi dưỡng tham gia; giáo viên nắm bắt kịp thời biểu hiện bất thường của học sinh để phối hợp hỗ trợ; Tổng phụ trách Đội là đầu mối thường trực.

Người phụ trách: Lê Thị Thuận Quỳnh - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 1, phụ trách phổ cập, bán trú, hoạt động giáo dục

VII. CÔNG TÁC PHÁP CHẾ, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, VĂN THƯ LƯU TRỮ

1. Chỉ tiêu

- Pháp chế: có kế hoạch, quyết định, minh chứng; hồ sơ lưu trữ khoa học.
- Cải cách hành chính: đủ hồ sơ theo quy định; niêm yết, công khai thủ tục hành chính.
- Văn thư, lưu trữ: thực hiện thống nhất toàn trường; hoàn thành tiếp nhận, sắp xếp, lưu trữ hồ sơ của các trường trước sắp xếp, bảo đảm đầy đủ, liên tục, tra cứu được.

2. Các biện pháp thực hiện

* *Công tác pháp chế*: Xây dựng kế hoạch công tác pháp chế; kiện toàn đội ngũ làm công tác pháp chế, tuyên truyền viên pháp luật; bổ sung tủ sách pháp luật; cử viên chức tham gia tập huấn các luật mới (Luật Nhà giáo, Luật Giáo dục sửa đổi, ...); cập nhật văn bản, thủ tục hành chính trên Website nhà trường.

* *Cải cách hành chính*: Xây dựng kế hoạch CCHC năm 2026, năm 2027 theo kế hoạch của UBND xã Bình Minh; niêm yết công khai và thực hiện đúng quy trình các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; tự kiểm tra việc thực hiện CCHC; thực hiện chế độ báo cáo đúng thời hạn.

* *Văn thư, lưu trữ*: Công tác văn thư, lưu trữ thực hiện thống nhất tại trường chính; con dấu được quản lý, sử dụng tại trường chính theo quy định. Hồ sơ hình thành tại phân hiệu được cập nhật, chuyển giao, lưu trữ thống nhất. Nhân viên văn thư thường xuyên cập nhật hệ thống quản lý văn bản, hộp thư điện tử để tham mưu kịp thời; sắp xếp, số hóa hồ sơ; rà soát, phục hồi văn bản thiếu, hỏng.

Người phụ trách: Ngô Viết Thành - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 2, phụ trách CSV, pháp chế; Nguyễn Thị Thanh - Nhân viên văn thư

VIII. CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ

1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên

Trường chính: Tiểu học Bình Minh A

Đối tượng	TS	Nữ	BC	HD	Th.sĩ	ĐH	CD	TC	Khác
Quản lý	2	2	2	-	-	2	-	-	-
GV văn hóa	23	22	21	2	-	19	4	-	-
GV chuyên biệt	7	6	6	1	-	7	-	-	-
Âm nhạc	2	2	2	-	-	2	-	-	-
Mĩ thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giáo dục thể chất	2	1	1	1	-	2	-	-	-

Tiếng Anh	3	3	3	-	-	3	-	-	-
Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhân viên	9	8	8	1	-	4	3	1	1
Tổng số	41	38	37	4	-	32	7	1	1

Phân hiệu: Tiểu học Thanh Cao

Đối tượng	TS	Nữ	BC	HĐ	Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác
Quản lý	1	1	1	-	1	-	-	-	-
GV văn hóa	25	25	20	5	-	24	1	-	-
GV chuyên biệt	11	9	9	2	2	7	2	-	-
Âm nhạc	2	2	2	-	-	2	-	-	-
Mĩ thuật	1	-	1	-	1	-	-	-	-
Giáo dục thể chất	4	3	2	2	1	1	2	-	-
Tiếng Anh	3	3	3	-	-	3	-	-	-
Tin học	1	1	1	-	-	1	-	-	-
Nhân viên	5	4	2	3	-	2	1	1	1
Tổng số	42	39	32	10	3	33	4	1	1

Phân hiệu: Tiểu học Bình Minh B

Đối tượng	TS	Nữ	BC	HĐ	Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác
Quản lý	1	-	1	-	-	1	-	-	-
GV văn hóa	15	15	14	1	-	13	2	-	-
GV chuyên biệt	6	4	6	-	-	6	-	-	-
Âm nhạc	1	1	1	-	-	1	-	-	-
Mĩ thuật	1	-	1	-	-	1	-	-	-
Giáo dục thể chất	2	1	2	-	-	2	-	-	-
Tiếng Anh	2	2	2	-	-	2	-	-	-
Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhân viên	5	4	2	3	-	1	2	2	-
Tổng số	27	23	23	4	-	21	4	2	-

TOÀN TRƯỞNG

Đối tượng	TS	Nữ	BC	HĐ	Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác
Quản lý	4	3	4	-	1	3	-	-	-
GV văn hóa	63	62	55	8	-	56	7	-	-
GV chuyên biệt	24	19	21	3	2	20	2	-	-
Âm nhạc	5	5	5	-	-	5	-	-	-
Mĩ thuật	2	-	2	-	1	1	-	-	-
Giáo dục thể chất	8	5	5	3	1	5	2	-	-
Tiếng Anh	8	8	8	-	-	8	-	-	-
Tin học	1	1	1	-	-	1	-	-	-
Nhân viên	19	16	12	7	-	7	6	4	2
Tổng số	110	100	92	18	3	86	15	4	2

Cơ cấu tổ chuyên môn, tổ văn phòng (tổ chức thống nhất toàn trường, có thành viên ở cả 03 cơ sở):

TT	Tổ	Số thành viên	Tổ trưởng	BGH sinh hoạt cùng tổ	Ghi chú
1	Tổ 1 (khối 1)	15	Nguyễn Thị Yên	PHT Ngô Viết Thành	13 GV, 01 NV thiết bị (PH2)

TT	Tổ	Số thành viên	Tổ trưởng	BGH sinh hoạt cùng tổ	Ghi chú
2	Tổ 2 (khối 2)	15	Nguyễn Thị Thu Trà	HT Nguyễn Thị Mai	13 GV, 01 NV thiết bị (PH1)
3	Tổ 3 (khối 3)	13	Lê Thị Thảo	PHT Lê Thị Thuận Quỳnh	12 GV
4	Tổ 4 (khối 4)	15	Nguyễn Thị Thơm		15 GV (02 GV nghỉ thai sản HK I)
5	Tổ 5 (khối 5)	12	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	PHT Thái Thị Minh Thi	10 GV, 01 NV thiết bị (TC)
6	Tổ chuyên biệt	23	Quản Thị Hồng Thái		GV Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, GDTC, Tin học
7	Tổ Văn phòng	17	Nguyễn Thị Thanh		Kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, bảo vệ, phục vụ
	Tổng cộng	110			

Độ tuổi của 86 giáo viên: dưới 31 tuổi: 13 (nữ: 13); từ 31 đến dưới 41 tuổi: 19 (nữ: 17); từ 41 đến dưới 51 tuổi: 26 (nữ: 22); từ 51 tuổi trở lên: 28 (nữ: 28). Trong tổng số 86 giáo viên có 06 nam, 80 nữ.

2. Những chỉ tiêu phấn đấu xây dựng đội ngũ năm học 2026 - 2027

- Số chuyên đề trong năm học: cấp tổ (nhóm) chuyên môn: 05; cấp trường (liên phân hiệu): 03.

- Sinh hoạt tổ chuyên môn: 02 buổi/tháng theo Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT; có ít nhất 3 buổi sinh hoạt chuyên môn liên phân hiệu/học kỳ.

- Dự giờ: Ban giám hiệu, tổ trưởng, tổ phó và giáo viên tăng cường dự giờ, rút kinh nghiệm theo tinh thần "thăm lớp nhẹ nhàng"; gắn với sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu bài học; không đặt chỉ tiêu mang tính hình thức.

- Tiết dạy minh họa theo chuyên đề: 02 tiết/học kỳ; ưu tiên giáo viên cốt cán hỗ trợ các phân hiệu còn khó khăn.

- Sáng kiến: khuyến khích viên chức tự nguyện đăng ký, bảo đảm có hiệu quả áp dụng thực tế; dự kiến 20 sáng kiến đề nghị công nhận cấp cơ sở.

- Học liệu số: mỗi giáo viên xây dựng tối thiểu 01 sản phẩm học liệu số cốt lõi/học kỳ, nhà trường thẩm định, đưa vào kho học liệu chung. Đồ dùng dạy học tự làm: giáo viên tự nguyện, phục vụ trực tiếp dạy học; không tổ chức thi.

- Hội thi giáo viên: không tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để lấy thành tích; lựa chọn, giới thiệu giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố khi Sở GDĐT tổ chức.

- Thể dục thể thao, văn nghệ: tham gia các hoạt động do UBND xã tổ chức trên tinh thần tự nguyện, đoàn kết.

Kiểm tra hồ sơ giáo viên: thực hiện đối với các loại hồ sơ theo Điều lệ trường (Kế hoạch bài dạy; Sổ chủ nhiệm; Sổ công tác Đội), ưu tiên kiểm tra trên môi trường số; không yêu cầu hồ sơ ngoài quy định.

STT	Hạng mục	Số phòng / diện tích (m ²) theo cơ sở						Tổng số phòng	Tổng DT (m ²)
		Trường chính		Phân hiệu 1		Phân hiệu 2			
		Sl	Diện tích	Sl	Diện tích	Sl	Diện tích		
E	Khối phụ trợ, phục vụ sinh hoạt								
1	Phòng y tế	1	29	1	27	1	24	3	80
2	Nhà kho	2	56	1	40	1	50	4	146
3	Khu vệ sinh học sinh	15	377	1	106	2	118	18	601
4	Khu để xe học sinh	1	105	1	200	1	200	3	505
5	Phòng giáo viên (phòng nghỉ)	2	58	1	48	0	0	3	106
6	Nhà bếp, kho bếp	1	59	1	48	1	55	3	162
7	Nhà ăn / phòng ăn bán trú	1	185	5	237	1	45	7	467

** Các biện pháp thực hiện*

Hoàn thành bàn giao, tiếp nhận, kiểm kê, hợp nhất dữ liệu tài sản sau sắp xếp; giao trách nhiệm quản lý tài sản tại từng cơ sở; theo dõi riêng điều kiện CSVC từng phân hiệu để có phương án sửa chữa, đầu tư.

Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí xây dựng, cải tạo phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, công trình vệ sinh, bếp ăn còn thiếu hoặc xuống cấp tại phân hiệu 2.

Rà soát thiết bị dạy học, lập kế hoạch mua sắm bổ sung theo nhu cầu thực tế; điều phối, dùng chung thiết bị giữa các cơ sở; bàn giao CSVC, thiết bị cho từng lớp, từng giáo viên để quản lý, sử dụng hiệu quả; khuyến khích giáo viên tự nguyện làm đồ dùng dạy học. Duy trì phong trào "Giữ gìn trường lớp sạch đẹp, bảo vệ cảnh quan môi trường".

Người phụ trách: Ngô Viết Thành - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 2, phụ trách CSVC, pháp chế

2. Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia

Theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT, rà soát mức độ đáp ứng tiêu chuẩn tại trường chính và từng phân hiệu sau sáp nhập; đề xuất UBND xã đầu tư các hạng mục còn thiếu theo lộ trình để đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2028.

3. Công tác xã hội hóa giáo dục

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh; vận động, tiếp nhận tài trợ đúng quy định, tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích; kiên quyết không để xảy ra lạm thu, ép buộc đóng góp.

4. Chỉ tiêu củng cố, xây dựng cơ sở vật chất

- Sử dụng hiệu quả CSVC, thiết bị hiện có; tu sửa kịp thời hạng mục xuống cấp.
- Tham mưu xây dựng, cải tạo phòng học tại phân hiệu 2.

Người phụ trách: Ngô Viết Thành - Phó Hiệu trưởng thường trực Phân hiệu 2, phụ trách CSVC, pháp chế

XI. CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ, SÁNG KIẾN

1. Chỉ tiêu

- 100% học sinh (2.120 em) có Learning ID và học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT; 100% giáo viên sử dụng chữ ký số.
- 100% dữ liệu học sinh, đội ngũ, CSVC của các trường trước sắp xếp được hợp nhất trên cơ sở dữ liệu ngành trước tháng 10/2026.
- 100% lớp sử dụng sổ liên lạc điện tử eNetViet; 100% hoạt động tiêu biểu của nhà trường được đưa tin trên Website thống nhất.
- Mỗi cơ sở có ít nhất 03 giáo viên cốt cán về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, AI hỗ trợ đồng nghiệp.
- 100% giáo viên sử dụng thành thạo học liệu số, sách giáo khoa điện tử, Trục LMS của Thành phố; 100% giáo viên có tối thiểu 01 sản phẩm học liệu số cốt lõi/học kỳ; 100% bếp ăn bán trú cập nhật dữ liệu trên HanoiCheck.

2. Các biện pháp thực hiện

Triển khai hệ thống CNTT, chuyển đổi số thống nhất từ Ban giám hiệu đến tổ chuyên môn, giáo viên tại các cơ sở theo hướng dẫn của Sở GDĐT, UBND xã; nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị CNTT tại các phân hiệu.

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên về năng lực số, sử dụng AI an toàn, hiệu quả; hướng dẫn cha mẹ học sinh sử dụng eNetViet tại buổi họp đầu năm.

Ban biên tập Website thu thập, kiểm duyệt tin bài từ cộng tác viên ở các cơ sở trước khi đăng tải.

Người phụ trách: Thái Thị Minh Thị - Phó Hiệu trưởng thường trực Trường chính, phụ trách chuyên môn, chuyển đổi số, các cuộc thi, phần mềm

XII. CÔNG TÁC THƯ VIỆN

1. Chỉ tiêu

- Duy trì thư viện tại các cơ sở; phần đầu thư viện nhà trường đạt tiêu chuẩn Mức độ 2 theo quy định; sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý thư viện, từng bước phát triển thư viện số.
- Tổ chức hiệu quả các hoạt động khuyến đọc; hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4).

2. Các biện pháp thực hiện

Bổ sung sách, báo, tài liệu; luân chuyển sách giữa các cơ sở; xây dựng lịch mở cửa thư viện cho cán bộ, giáo viên, học sinh; phát triển thư viện góc lớp, thư viện ngoài trời; cập nhật kịp thời dữ liệu trên phần mềm thư viện.

Người phụ trách: Thái Thị Minh Thi - Phó Hiệu trưởng thường trực trường chính, phụ trách chuyên môn, Thư viện, CNTT,...

XIII. CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Chỉ tiêu

Hoàn thành tự đánh giá đối với nhà trường sau sắp xếp theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT; hồ sơ, minh chứng được thu thập đầy đủ, phản ánh đúng thực trạng tại trường chính và từng phân hiệu.

2. Các biện pháp thực hiện

- Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá của nhà trường sau sắp xếp; tập huấn nghiệp vụ cho thành viên.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chi tiết, phân công nhiệm vụ; rà soát, kế thừa minh chứng còn giá trị của các trường trước sắp xếp.

- Theo dõi, phân tích chất lượng theo từng cơ sở; xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng.

Người phụ trách: Nguyễn Thị Mai - Hiệu trưởng

XIV. CÔNG TÁC PHỐI HỢP, LIÊN KẾT

Mọi hoạt động phối hợp, liên kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh, công khai, minh bạch, đúng quy định; không lợi dụng danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia hoặc thu tiền trái quy định.

1. Dạy học Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2

Chương trình làm quen tiếng Anh/Ngoại ngữ 1 tự chọn lớp 1, 2 (02 tiết/tuần); theo nguyện vọng của cha mẹ học sinh; tài liệu được Bộ GDĐT phê duyệt; có đơn đăng ký tự nguyện và danh sách học sinh từng lớp.

2. Giáo dục kỹ năng sống

Đơn vị phối hợp: Công ty Novastar; đối tượng: học sinh khối 1 - 5 tự nguyện đăng ký (có đơn của cha mẹ học sinh); số lượng dự kiến: 1850 học sinh. Thời lượng 01 tiết/tuần, xếp cố định vào tiết 3 chiều thứ Tư hằng tuần trong thời khóa biểu toàn trường. Mức thu: 15.000 đồng/tiết, tương đương 60.000 đồng/học sinh/tháng (04 tiết); thu, chi, thanh quyết toán công khai, đúng quy định, không thu của học sinh không đăng ký. Hồ sơ pháp lý của đơn vị, chương trình, tài liệu và đội ngũ giáo viên được thẩm định trước khi triển khai; nội dung thuộc Đề án hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu trình UBND xã phê duyệt. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp quản lý lớp, theo dõi chất lượng; học sinh

không đăng ký được bố trí hoạt động giáo dục phù hợp. Dự kiến dạy từ tháng 10/2026 khi có đầy đủ hồ sơ và được cấp trên phê duyệt.

3. Tổ chức bán trú

Nhà trường ký hợp đồng cung cấp suất ăn bán trú năm học 2026 - 2027 với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ban Mai; đối tượng: học sinh có nhu cầu, tự nguyện đăng ký; số lượng dự kiến: 1580 học sinh; mức thu theo quy định; hỗ trợ bữa ăn bán trú theo Nghị quyết số 84/2026/NQ-HĐND; quản lý trên hệ thống HanoiCheck; cha mẹ học sinh tham gia giám sát.

4. Trông giữ học sinh ngoài giờ

Thực hiện theo kế hoạch riêng của nhà trường; giáo viên tự nguyện đăng ký tham gia; cha mẹ học sinh tự nguyện đăng ký; bảo đảm an toàn, công khai.

5. Phối hợp với các lực lượng tại địa phương

Phối hợp với Công an xã, Trạm Y tế xã, Đoàn Thanh niên, Hội đồng Đội, Hội Khuyến học, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao xã trong bảo đảm an ninh trật tự, y tế trường học, giáo dục truyền thống, hoạt động hè và phổ cập bơi.

XV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TỪNG THÁNG

TT	Nội dung công việc	Người phụ trách
THÁNG 9/2026		
1	Tổ chức Lễ khai giảng năm học (05/9/2026); bắt đầu tuần học thứ nhất từ 07/9/2026; ổn định nề nếp, sĩ số tại các cơ sở; hoàn thành sổ liệu đầu năm trên cơ sở dữ liệu ngành.	BGH, TPT, GVCN
2	Kiểm toàn bộ máy, tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn tại phân hiệu; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc, quy chế phối hợp; phân công, ủy quyền "6 rõ" bằng văn bản cho Phó Hiệu trưởng thường trực từng cơ sở (hoàn thành trong tháng 9).	HT
3	Bàn giao, hợp nhất hồ sơ, dữ liệu, tài sản của các trường trước sắp xếp; cập nhật cơ sở dữ liệu ngành đầu năm.	BGH, KT, VT, NV CNTT
4	Xây dựng, ban hành kế hoạch giáo dục nhà trường, thời khóa biểu thống nhất toàn trường (10 buổi/tuần); báo cáo Sở GDĐT trước ngày 20/9/2026 và UBND xã.	HT, PHT Thi, TTCM
5	Xây dựng Kế hoạch năm học, kế hoạch của tổ chuyên môn, các bộ phận; đăng ký danh hiệu thi đua.	BGH, TTCM, CB-GV-NV
6	Triển khai bán trú: hợp đồng với Công ty Ban Mai; lịch chốt thực đơn 02 tuần/lần; tiếp nhận, kiểm tra thực phẩm lúc 5h00-6h00 hằng ngày.	PHT Quỳnh, NV y tế, Ban bán trú
7	Xây dựng Đề án hoạt động hỗ trợ giáo dục theo nhu cầu, trình UBND xã phê duyệt; tổ chức đăng ký tự nguyện (Tiếng Anh lớp 1, 2; kỹ năng sống; trông giữ ngoài giờ); công khai các khoản thu; hoạt động giáo dục kỹ năng sống liên kết với Công ty Novastar (01 tiết/tuần, tiết 3 chiều thứ Tư, 15.000 đồng/tiết).	BGH, GVCN, KT
8	Khảo sát, phân tích chất lượng đầu năm (tháng 9 - 10); lập danh sách nhóm học sinh cần hỗ trợ và kế hoạch can thiệp.	PHT Thi, TTCM, GV
9	Rà soát, lựa chọn mô hình và chuẩn bị đăng ký mức độ thực hiện Đề án tiếng Anh (KH 259/KH-UBND, CV 4096/SGDDĐT-GDTrH); triển khai bài thể dục buổi sáng bằng tiếng Anh và tiết thể thao tăng cường.	HT, PHT Thi, GV TA, GV GDTC
10	Rà soát dữ liệu học sinh, Learning ID, học bạ số (TT 70/2026); triển khai HanoiCheck tại các bếp ăn.	PHT Thi, NV CNTT, PHT Quỳnh
11	Họp cha mẹ học sinh đầu năm; hướng dẫn sử dụng eNetViet; công khai đường dây nóng.	BGH, GVCN
12	Phát động thi đua chào mừng năm học mới; hưởng ứng Tháng An toàn giao thông; tổ chức vui Tết Trung thu cho học sinh.	TPT, GVCN
13	Khám sức khỏe đầu năm; phòng, chống dịch bệnh mùa thu (sốt xuất huyết, tay chân miệng, ...).	NV y tế, GVCN
14	Hoàn thiện hồ sơ PCGD - XMC năm 2026; cập nhật phần mềm phổ cập.	PHT Quỳnh, GV được phân công
15	Rà soát đội ngũ (tháng 9 - 10); bố trí dạy thay 02 giáo viên nghỉ thai sản; xây dựng thời khóa biểu liên cơ sở cho giáo viên bộ môn; đề xuất bổ sung giáo viên Tin học, Mĩ thuật.	HT, PHT Thi
16	Chuẩn bị Hội nghị viên chức, người lao động.	HT
THÁNG 10/2026		
1	Sơ kết thi đua tháng 9; phát động thi đua chào mừng ngày 20/10 và 20/11.	BGH, TPT
2	Tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2026 - 2027.	HT
3	Kỷ niệm 72 năm Ngày Giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2026).	TPT, GVCN

TT	Nội dung công việc	Người phụ trách
4	Sinh hoạt chuyên môn theo CV 4069/BGDĐT-GDPT; chuyên đề cấp trường lần 1 (liên phân hiệu); tham gia chuyên đề cấp cụm/Thành phố các môn Toán, LS&ĐL, Công nghệ, Tiếng Anh (theo giấy mời).	PHT Thi, TTCM
5	Đăng ký mức độ thực hiện Đề án tiếng Anh (học kỳ I); triển khai giáo dục trí tuệ cảm xúc (EQ) theo KH 3545/KH-SGDĐT.	HT, PHT Thi, TPT
6	Lựa chọn, giới thiệu giáo viên tham gia Hội thi GVG cấp Thành phố (nếu Sở tổ chức).	HT, PHT Thi
7	Triển khai bài học STEM, giáo dục năng lực số, nội dung giáo dục AI theo kế hoạch.	TTCM, GV
8	Kiểm tra nội bộ: toàn diện 04 GV; kiểm tra chuyên đề.	Ban KTNB
9	Tự kiểm tra thư viện, thiết bị dạy học tại từng cơ sở.	PHT Thành, NV TV-TB
10	Y tế trường học; kiểm tra an toàn thực phẩm tại các bếp ăn.	PHT Quỳnh, NV y tế
11	Triển khai dạy kỹ năng sống liên kết với Công ty Novastar sau khi được phê duyệt: 01 tiết/tuần vào tiết 3 chiều thứ Tư; công khai mức thu 15.000 đồng/tiết (60.000 đồng/học sinh/tháng).	BGH, GVCN, KT
12	Ra đề kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I lớp 4, 5 (thống nhất toàn trường).	PHT Thi, TTCM
THÁNG 11/2026		
1	Tổ chức kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I lớp 4, 5; chấm, nhận xét theo Thông tư 27.	BGH, GV
2	Hoạt động kỷ niệm 44 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11); chủ đề "Biết ơn thầy cô".	BGH, TPT
3	Hưởng ứng Ngày Văn hóa Việt Nam (24/11).	TPT, GVCN
4	Dạy minh họa theo chuyên đề; sinh hoạt chuyên môn liên phân hiệu; tham gia chuyên đề cấp cụm/Thành phố các môn Tin học, Đạo đức, Tiếng Việt (theo giấy mời).	PHT Thi, TTCM
5	Cử cán bộ, giáo viên tham gia tập huấn giáo dục hòa nhập.	HT
6	Kiểm tra nội bộ; toàn diện 04 GV; kiểm tra rèn chữ, giữ vở.	Ban KTNB
7	Hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục; chuẩn bị kiểm tra công nhận PCGD năm 2026.	PHT Quỳnh
THÁNG 12/2026		
1	Sơ kết thi đua; kỷ niệm 82 năm Ngày thành lập QĐND Việt Nam và 37 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12).	BGH, TPT
2	Đón kiểm tra công nhận PCGD tiểu học năm 2026 (theo lịch của Thành phố).	PHT Quỳnh
3	Tham gia chuyên đề cấp cụm/Thành phố các môn TNXH, HĐTN, Âm nhạc, GDTC; triển khai đại trà giáo dục EQ.	PHT Thi, TTCM
4	Tổ chức giao lưu tiếng Anh, hoạt động giao lưu có sử dụng tiếng Anh cấp cơ sở (học kỳ I).	PHT Thi, GV TA, TPT
5	Chuyên đề đánh giá học sinh theo Thông tư 27; sinh hoạt chuyên môn.	PHT Thi, TTCM
6	Ôn tập học kỳ I; ra đề kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I.	PHT Thi, TTCM, GV
7	Kiểm tra nội bộ; toàn diện 03 GV; kiểm tra thư viện, bán trú.	BGH
8	Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường lần 1 (có kế hoạch, phương án an toàn, tự nguyện).	PHT Quỳnh, TPT
THÁNG 01/2027		
1	Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I; cập nhật kết quả vào học bạ số.	BGH, GV

TT	Nội dung công việc	Người phụ trách
2	Sơ kết học kỳ I (kết thúc học kỳ I trước ngày 18/01/2027); cập nhật cơ sở dữ liệu ngành; nộp báo cáo sơ kết học kỳ I đúng hạn.	BGH
3	Phân tích chất lượng theo từng cơ sở; điều chỉnh kế hoạch, điều phối nguồn lực; tiếp nhận giáo viên hết thời gian nghỉ thai sản (từ 10/01/2027), điều chỉnh phân công chuyên môn.	BGH, TTCM
4	Phát động thi đua chào mừng Đảng, mừng Xuân; tuyên truyền an toàn dịp Tết.	TPT, GVCN
5	Tham mưu kiện toàn BCĐ PCGD - XMC; phối hợp điều tra trẻ sinh năm 2021 phục vụ tuyển sinh lớp 1 năm học 2027 - 2028.	PHT Quỳnh
6	KT toàn diện 03 GV Kiểm tra nội bộ học kỳ I.	Ban KTNB
THÁNG 02/2027		
1	Nghỉ Tết Nguyên đán Đinh Mùi theo lịch của Thành phố; bảo đảm an toàn tài sản các cơ sở.	BGH, bảo vệ
2	Kỷ niệm 97 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02).	Đảng bộ, TPT
3	Ổn định nề nếp sau Tết; chuyên đề cấp trường lần 2; sinh hoạt chuyên môn.	PHT Thi, TTCM
4	Kiểm tra nội bộ. KT toàn diện 03 GV	Ban KTNB
THÁNG 3/2027		
1	Thi đua chào mừng ngày 08/3 và 96 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3).	Chi đoàn, TPT
2	Tiếp nhận giáo viên hết thời gian nghỉ thai sản (từ 01/3/2027); điều chỉnh phân công chuyên môn học kỳ II.	HT, PHT Thi
3	Ra đề, tổ chức kiểm tra định kỳ giữa học kỳ II lớp 4, 5.	PHT Thi, TTCM, GV
4	Tổ chức giải thể thao cấp trường (chào mừng 26/3); sân chơi tự nguyện (STEM, Vioedu, ...).	PHT Quỳnh, PHT Thi, TPT, GV GDTC
5	Cử giáo viên tham gia Hội thi GVG cấp Thành phố (nếu có).	HT
6	Tổng hợp, đánh giá sáng kiến (tự nguyện đăng ký).	Hội đồng sáng kiến
7	Kiểm tra việc đánh giá học sinh, cập nhật học bạ số. KT toàn diện 03 GV	BGH
8	Hoạt động trải nghiệm lần 2 (tự nguyện, bảo đảm an toàn).	PHT Quỳnh, TPT
THÁNG 4/2027		
1	Ôn tập; ra đề kiểm tra định kỳ cuối năm học.	PHT Thi, TTCM
2	Hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam (21/4); giao lưu tiếng Anh cấp cơ sở (học kỳ II).	NV TV, TPT, GV TA
3	Hoạt động kỷ niệm 30/4 và 01/5.	TPT
4	Triển khai tự đánh giá chất lượng; kiểm tra CSVC các cơ sở.	Hội đồng TĐG, PHT Thành
5	Điều tra trẻ 6 tuổi; xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 1 năm học 2027 - 2028.	PHT Thi
6	Kiểm tra nội bộ. KT toàn diện 03 GV	Ban KTNB
THÁNG 5/2027		
1	Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối năm (khuyến khích trên máy tính); đánh giá học sinh theo Thông tư 27; hoàn thành học bạ số; cập nhật cơ sở dữ liệu cuối năm.	BGH, GV
2	Đánh giá kết quả thực hiện Đề án tiếng Anh, giáo dục EQ, bài học STEM năm học.	HT, PHT Thi
3	Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học; khen thưởng học sinh.	Hội đồng xét

4	Kỷ niệm 86 năm Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh (15/5) và 137 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5).	TPT
5	Đánh giá, xếp loại viên chức; bình xét thi đua năm học. KT toàn diện 03 GV	BGH
6	Tổng kết năm học (kết thúc năm học trước ngày 31/5/2027); báo cáo cấp trên.	BGH
7	Bàn giao chất lượng; bàn giao học sinh sinh hoạt hè tại địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động hè.	BGH, TPT, GVCN
THÁNG 6/2027		
1	Hỗ trợ, ôn tập và đánh giá lại học sinh chưa hoàn thành chương trình.	PHT Thi, GV
2	Bàn giao hồ sơ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học cho trường THCS.	PHT Thi
3	Tổ chức hoạt động hè; phòng, chống đuối nước; dạy bơi (tự nguyện).	TPT, GV GDTC
4	Nộp hồ sơ thi đua, sáng kiến; điều tra phổ cập.	BGH, PHT Quỳnh
THÁNG 7/2027		
1	Tuyển sinh lớp 1 năm học 2027 - 2028 theo hướng dẫn.	BGH, Hội đồng tuyển sinh
2	Bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chính trị hè cho viên chức.	BGH
3	Kiểm tra, lập kế hoạch sửa chữa CSVC; hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá.	PHT Thành
THÁNG 8/2027		
1	Chuẩn bị điều kiện năm học 2027 - 2028: đội ngũ, CSVC, biên chế lớp, phân công chuyên môn.	BGH
2	Chuẩn bị triển khai Mức độ 1 Đề án tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai từ năm học 2027 - 2028.	HT, PHT Thi
3	Tổ chức tựu trường theo khung kế hoạch thời gian năm học của Thành phố.	BGH, GVCN

Nơi nhận:

- UBND xã Bình Minh (để báo cáo);
- Các tổ, bộ phận, đoàn thể (để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Signature)
Nguyễn Thị Mai

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI

Phòng Văn hóa xã hội xã nhất tài và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường. Đề nghị nhà trường chủ động triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phần đầu hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm học



TRƯỞNG PHÒNG
(Signature)
Nguyễn Văn Biên

PHỤ LỤC

QUY MÔ LỚP VÀ PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Kế hoạch số 139/KH-THBM ngày 17/9/2026 của Trường Tiểu học Bình Minh)

TT	Lớp	Cơ sở	Sĩ số	Nữ	DTTS	KT	Diện CS	Giáo viên chủ nhiệm
KHỐI 1								
1	1A1	Trường chính	36	21				Nguyễn Thị Yên
2	1A2	Trường chính	34	13	1			Đỗ Thị Cúc
3	1A3	Trường chính	34	12				Nguyễn Thị Hạnh
4	1A4	Trường chính	32	12				Nguyễn Thị Huyền
5	1A5	Trường chính	32	14	1		1	Đinh Thị Hoa
6	1B1	Phân hiệu 1	33	13	1			Nguyễn Thị Ban
7	1B2	Phân hiệu 1	34	18	1			Nguyễn Thị Quế
8	1B3	Phân hiệu 1	34	14				Nguyễn Thị Tuyết
9	1B4	Phân hiệu 1	32	16				Nguyễn Thị Hồng
10	1B5	Phân hiệu 1	30	11				Nguyễn Thị Hòa
11	1C1	Phân hiệu 2	29	12				Tạ Thị Hạnh
12	1C2	Phân hiệu 2	34	16	1			Nguyễn Thị Thu Hương
13	1C3	Phân hiệu 2	21	10	1		1	Đào Thị Thúy
Cộng khối 1: 13 lớp			415	182	6	0	2	
KHỐI 2								
14	2A1	Trường chính	37	12				Nguyễn Thị Hời
15	2A2	Trường chính	41	20				Bùi Thị Chiêu
16	2A3	Trường chính	28	14	1		1	Nguyễn Nguyệt Nhung
17	2A4	Trường chính	30	14	1		1	Phạm Thu Hường
18	2A5	Trường chính	25	12				Nguyễn Thị Hải Yến
19	2B1	Phân hiệu 1	35	16				Lê Thị Thu Hà
20	2B2	Phân hiệu 1	38	19				Lê Thị Ngọc Luyện
21	2B3	Phân hiệu 1	35	15		1	1	Nguyễn Thị Thu Trà
22	2B4	Phân hiệu 1	37	17	1			Nguyễn Thị Tám Hiền
23	2B5	Phân hiệu 1	34	16		1	2	Trịnh Thị Trà Mi
24	2C1	Phân hiệu 2	31	17				Nguyễn Thị Hải Vân
25	2C2	Phân hiệu 2	33	20				Tạ Thị Hào
26	2C3	Phân hiệu 2	30	13	1			Nhữ Thị Bạch Mai
Cộng khối 2: 13 lớp			434	205	4	2	5	
KHỐI 3								
27	3A1	Trường chính	34	12	1		2	Nguyễn Thị Hoa
28	3A2	Trường chính	48	25			1	Phạm Ngọc Ánh

TT	Lớp	Cơ sở	Sĩ số	Nữ	DTTS	KT	Diện CS	Giáo viên chủ nhiệm
29	3A3	Trường chính	32	11		2	1	Nguyễn Thị Thuyền
30	3A4	Trường chính	36	22	2		1	Lê Thị Ngát
31	3B1	Phân hiệu 1	32	13				Đào Trung Anh
32	3B2	Phân hiệu 1	38	24	1			Nguyễn Thị Hiền
33	3B3	Phân hiệu 1	31	14				Đặng Thị Tú Uyên
34	3B4	Phân hiệu 1	34	15	1	1	1	Trần Thị Hải Anh
35	3B5	Phân hiệu 1	29	15			1	Lê Hải Yên
36	3C1	Phân hiệu 2	44	18				Lê Thị Thảo
37	3C2	Phân hiệu 2	30	15				Tạ Thị Vân
38	3C3	Phân hiệu 2	25	13				Trần Thị Hiền
Cộng khối 3: 12 lớp			413	197	5	3	7	
KHỐI 4								
39	4A1	Trường chính	27	9		1	1	Đinh Thị Lương
40	4A2	Trường chính	30	19	1		1	Lê Vương Anh Thảo
41	4A3	Trường chính	37	16			1	Nguyễn Thị Phương Thảo
42	4A4	Trường chính	29	13			1	Nguyễn Thị Nhung
43	4A5	Trường chính	44	23				Nguyễn Diệu Linh
44	4B1	Phân hiệu 1	36	17				Lưu Thị Kim Oanh
45	4B2	Phân hiệu 1	37	13				Nguyễn Thị Minh Huệ
46	4B3	Phân hiệu 1	39	21	1			Lê Thị Minh Chanh
47	4B4	Phân hiệu 1	35	16		1		Nguyễn Thị Hằng
48	4B5	Phân hiệu 1	36	18				Phạm Hồng Nhã
49	4C1	Phân hiệu 2	40	16				Nguyễn Thị Thơm
50	4C2	Phân hiệu 2	33	17	1			Nguyễn Thị Thùy
51	4C3	Phân hiệu 2	30	11			1	Nguyễn Thị Phương
Cộng khối 4: 13 lớp			453	209	3	2	5	
KHỐI 5								
52	5A1	Trường chính	39	13	2	1	1	Nguyễn Tiến Đạt
53	5A2	Trường chính	42	13	1		1	Nguyễn Thị Loan
54	5A3	Trường chính	45	27				Nguyễn Kim Thịnh
55	5A4	Trường chính	29	13	2		2	Phạm Thị Hương
56	5B1	Phân hiệu 1	40	16			3	Nguyễn Thị Bình
57	5B2	Phân hiệu 1	39	14			1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt
58	5B3	Phân hiệu 1	37	17		1	2	Kiều Thị Thảo
59	5B4	Phân hiệu 1	42	19			1	Nguyễn Thị Ngọc Hoa
60	5C1	Phân hiệu 2	53	18		1		Quách Thị Quỳnh Loan
61	5C2	Phân hiệu 2	39	16				Tạ Thị Kim Phấn

TT	Lớp	Cơ sở	Sĩ số	Nữ	DTTS	KT	Diện CS	Giáo viên chủ nhiệm
	Cộng khối 5: 10 lớp		405	166	5	3	11	
	TOÀN TRƯỜNG: 61 lớp		2120	959	23	10	30	

Ghi chú: DTTS - học sinh dân tộc thiểu số; KT - học sinh khuyết tật; Diện CS - học sinh thuộc diện chính sách.